

Số: **5409**/BYT-KHTC

Hà Nội, ngày **16** tháng 9 năm 2019

V/v khảo sát số liệu làm cơ sở
xây dựng giá dịch vụ KBCB

Kính gửi:

- Các bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế
- Sở Y tế các tỉnh/thành phố

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, Nghị định số 85/NĐ-CP ngày 15/10/2012 và Nghị định số 16/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ; thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sắp xếp lại danh mục dịch vụ kỹ thuật y tế, trên cơ sở rà soát và xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở xây dựng và ban hành giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo lộ trình tính giá dịch vụ công. Trước mắt, Bộ Y tế thực hiện khảo sát một số số liệu theo các biểu, mẫu đính kèm:

I. Khảo sát số liệu để tính chi phí quản lý vào giá dịch vụ KBCB:

1. Các nội dung của chi phí quản lý: gồm các chi phí để bảo đảm hoạt động thường xuyên của bộ phận quản lý, điều hành, của các khoa, phòng gián tiếp (trừ các khoa lâm sàng, cận lâm sàng) và các chi phí chung khác để bảo đảm hoạt động của đơn vị, gồm:

1.1. Chi phí về điện, nước, nhiên liệu, vệ sinh, môi trường, xử lý chất thải của các bộ phận quản lý nêu trên;

1.2. Cước dịch vụ viễn thông, bưu chính; chi phí ứng dụng công nghệ thông tin hoặc thuê dịch vụ, phần mềm quản lý;

1.3. Chi công tác phí, hội nghị, hội thảo theo chế độ chính sách hiện hành; thuê phiên dịch, biên dịch; chi mua, in ấn, phô tô tài liệu, ấn phẩm dùng cho chuyên môn;

1.4. Chi phí đồng phục, trang phục của các bộ phận quản lý; chi phí bảo hộ lao động, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ sức khỏe người lao động, dự phòng lây nhiễm HIV, bảo đảm an ninh, an toàn; chi phí cho công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh; chi phí thuê mua ngoài khác phục vụ công tác quản lý;

1.5. Các khoản phí, lệ phí; thuế sử dụng đất dùng cho hoạt động kinh doanh, dịch vụ (nếu có); bảo hiểm trách nhiệm trong khám, chữa bệnh; bảo hiểm tài sản; chi phí phòng cháy, chữa cháy;

1.6. Chi phí đào tạo, nhận chuyển giao các kỹ thuật, đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn;

1.7. Chi phí duy tu, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn tài sản, mua sắm trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, vật tư, phương tiện, văn phòng phẩm phục vụ cho bộ phận quản lý, gián tiếp và hoạt động chung của đơn vị;

1.8. Các khoản chi phí khác (nếu có).

2. Mẫu khảo sát chi phí quản lý

Bộ Y tế đã xây dựng mẫu khảo sát để tính chi phí quản lý tại Biểu số 1, Biểu số 2 kèm theo. Các đơn vị căn cứ và báo cáo quyết toán chi hoạt động thường xuyên năm 2017 và 2018 và thực tế của đơn vị về cơ cấu tổ chức, quản lý để lấy các số liệu đưa vào các biểu khảo sát này.

- Đối với các khoản chi phí chung phải phân bổ cho bộ phận quản lý, ví dụ như các chi phí về điện, nước, nhiên liệu, vệ sinh, môi trường, xử lý chất thải của các bộ phận quản lý nêu tại mục 1.1: xác định bằng tổng chi điện, nước, nhiên liệu, vệ sinh, môi trường, xử lý chất thải của cơ sở y tế trừ đi chi phí các chi phí tương ứng của các khoa lâm sàng, cận lâm sàng;

- Đối với các chi phí mà đơn vị thực hiện hạch toán riêng cho các khoa, phòng thì lấy theo số hạch toán thực tế cho các khoa, phòng thuộc bộ phận quản lý nêu trên: Ví dụ chi phí công cụ, dụng cụ, vật tư văn phòng: tổng hợp các chi phí đã xuất kho cho các khoa, phòng thuộc bộ phận quản lý

- Đối với các chi phí chung cho toàn đơn vị như chi phí thuê nhân công, các chi phí để bảo đảm cảnh quan chung, vệ sinh chung, cước phí internet, thông tin, liên lạc, các chi phí bảo đảm an ninh, an toàn bệnh viện: tổng hợp theo chi phí thực tế đã quyết toán vào chi phí quản lý.

Lưu ý Đối với TTYT huyện đa chức năng khi cung cấp số liệu Biểu số 1 như sau: Biểu 1a: số liệu của hoạt động khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm; Biểu 1b khảo sát số liệu hoạt động khám, chữa bệnh của các trạm y tế xã thuộc trung tâm.

II. Mẫu khảo sát một số chỉ tiêu phục vụ việc điều chỉnh một số định mức kinh tế kỹ thuật và mức giá của một số dịch vụ KBCB.

1. Biểu số 3: khảo sát giá của một số loại vật tư, chi phí vệ sinh, điện nước phục vụ việc xây dựng giá.

Đề nghị đơn vị cung cấp đơn giá của các loại vật tư theo kết quả đấu thầu gần nhất. Các loại vật tư, hóa chất có nhiều chủng loại khác nhau, đơn giá khác nhau đề nghị cung cấp tên và đơn giá theo từng chủng loại, có ghi rõ 1 số tiêu chuẩn cơ bản để xác định chủng loại.

2. Biểu số 4:

a) Biểu 4a: Khảo sát về nhân lực và thời gian bình quân cho một lượt khám bệnh. Khi báo cáo số liệu biểu này, lưu ý:

- Không tính đối tượng cán bộ làm các dịch vụ y tế về cận lâm sàng tại phòng khám (như cán bộ làm xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh... tại phòng khám).

- Một số đơn vị có tổ chức khám bệnh ngoài giờ hành chính hoặc khám vào ngày nghỉ, ngày lễ; Đề nghị đơn vị báo cáo rõ thời gian khám trong ngày, từ giờ nào đến giờ nào; khám vào thứ 7 hay cả thứ 7 và chủ nhật, số bàn khám và số lượt khám bệnh ngoài giờ hành chính, khám vào ngày nghỉ, ngày lễ.

b) **Biểu 4b:** Khảo sát các trang thiết bị, công cụ, dụng cụ cơ bản của Khoa khám bệnh: đề nghị đơn vị liệt kê các trang thiết bị, công cụ, dụng cụ cơ bản của khoa khám bệnh phải mua định kỳ như: ống nghe, huyết áp.... và Lưu ý liệt kê chi tiết theo ví dụ đính kèm.

3. Biểu số 5: khảo sát về tỷ lệ nhân lực và giường bệnh

4. Biểu số 6: khảo sát một số thông tin về thay bóng, tấm phát tia, đồ khí heeli.. của các trang thiết bị chẩn đoán hình ảnh.

- **Biểu 6a:** Số ca lấy theo sổ theo dõi của khoa Chẩn đoán hình ảnh và các khoa liên quan.

- **Biểu 6b:** Liệt kê các loại vật tư phải kết cấu vào giá dịch vụ và cung cấp chi tiết đơn giá, số ca sử dụng đến khi phải thay vật tư mới.

Đây là công việc hết sức cần thiết và cấp bách, Bộ Y tế đề nghị:

- Sở Y tế gửi biểu mẫu cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do địa phương quản lý và đề nghị các bệnh viện khảo sát, gửi về Bộ Y tế trước ngày 20/9/2019.

- Thủ trưởng đơn vị chỉ đạo các bộ phận liên quan khẩn trương thực hiện, gửi kết quả về Bộ Y tế (Vụ KH-TC) **trước ngày 25/9/2019** để Vụ Kế hoạch – Tài chính tổng hợp và báo cáo liên Bộ xem xét.

Đề nghị các đơn vị gửi Biểu mẫu tổng hợp bản exel vào địa chỉ mail tcsn.by@gmail.com để thuận tiện cho việc tổng hợp số liệu. Nếu chưa rõ về thông tin hoặc cần trao đổi đề nghị liên hệ Phòng Tài chính – Vụ KHTC - ĐT: 024.62732319.

Bộ Y tế xin cảm ơn sự phối hợp của các đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ BHYT, Cục KCB, Viện CLCSYT (để biết và phối hợp);
- Lưu VT, KH-TC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Trường Sơn

BÁO CÁO THU - CHI CỦA ĐƠN VỊ

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Năm 2017	Năm 2018
A	TỔNG SỐ THU (I+II+III)	0	
I	NSNN cấp chi thường xuyên (không tính NSNN phân bổ để mua sắm và sửa chữa TS)		
II	Thu viện phí và BHYT (bảng mục 1 hoặc mục 2. Số liệu mục 1 và mục 2 tổng phải bằng nhau)	0	0
1	Theo nguồn thu	0	0
	Thu dịch vụ KBCB trực tiếp (viện phí bao gồm cả phần đồng chi trả)		
	Thu BHYT (BHXH thanh toán)		
	Thu KCB theo yêu cầu		
2	Theo tính chất, nội dung thu	0	0
	Tiền khám bệnh		
	Tiền ngày giường bệnh		
	Chẩn đoán hình ảnh		
	Xét nghiệm		
	Phẫu thuật, thủ thuật, thăm dò chức năng		
	Thuốc, vật tư y tế, máu và CPM, dịch truyền		
	Các khoản thu khác		
III	Các khoản thu khác (Chi tiết từng khoản thu của đơn vị)	0	0
1	Thu hoạt động nhà thuốc (tổng thu)		
2	Thu Bách hóa, căng tin, bãi giữ xe		
3		
B	TỔNG SỐ CHI	0	0
1	Chi tiền lương, tiền công, phụ cấp, các khoản đóng góp cho công chức, viên chức và người lao động (không tính số chi thu nhập tăng thêm)		
2	Chi thuốc, máu, vật tư, hóa chất		
	<i>Trong đó chi thuốc, vật tư của nhà thuốc</i>		
3	Chi hành chính, điện, nước, nhiên liệu, văn phòng phẩm và các khoản chi khác		
4	Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ (không tính số chi từ Quỹ PTSN)		
C	CHÊNH LỆCH THU-CHI (=A-B)	0	0
1	Chi Thu nhập tăng thêm		

STT	NỘI DUNG	Năm 2017	Năm 2018
	<i>Hệ số chi Thu nhập tăng thêm so với lương ngạch bậc</i>		
2	Trích lập Quỹ PTHĐSN		
3	Trích lập Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi		
4	Trích lập Quỹ ổn định thu nhập		
5	Trích lập Quỹ khác (nếu có)		

Ghi chú:

- Đối với TTYT huyện đa chức năng đề nghị cung cấp theo 2 cột số liệu tại biểu này là số liệu thu-chi của hoạt động khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm (Riêng số liệu thu-chi hoạt động khám, chữa bệnh của các trạm y tế xã thuộc trung tâm đề nghị cung cấp tại Biểu 1b).
- Khi cung cấp số liệu của hoạt động KBCB lưu ý không tính chi dự phòng, an toàn thực phẩm, dân số, chương trình mục tiêu y tế - dân số và hoạt động của các trạm y tế xã. Trường hợp các nội dung chi chung của cả đơn vị cần lưu ý phân bổ hợp lý ví dụ chi lương của ban lãnh đạo hoặc bộ phận tài chính đang quyết toán và chi ở kinh phí dự phòng thì cần tính toán phân bổ cho chi khám bệnh, chữa bệnh.
- Lưu ý số thu: số thu BHYT phản ánh theo số liệu tổng hợp quyết toán với Cơ quan BHYT ví dụ số vượt trần vượt quỹ của 2017 được thanh toán năm 2018 thì phản ánh vào số thu 2017. Số chi lưu ý tính các khoản đã chi nhưng chưa đưa vào quyết toán và loại trừ các khoản đã quyết toán nhưng chưa chi (ví dụ có đơn vị quyết toán trước hàng tồn kho)

Người lập biểu
(Ký ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký đóng dấu)

**BÁO CÁO THU - CHI CỦA TRẠM Y TẾ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
THUỘC TTYT HUYỆN**

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Năm 2017	Năm 2018
A	TỔNG SỐ THU		
I	NSNN cấp chi thường xuyên (không tính NSNN phân bổ để mua sắm và sửa chữa TS)		
II	Thu viện phí và BHYT (mục 1 và mục 2 số liệu tổng phải bằng nhau)	0	0
1	Theo nguồn thu		
	Thu viện phí (bao gồm cả đồng chi trả)		
	Thu BHYT (BHXH thanh toán)		
2	Theo tính chất, nội dung thu		
	Tiền khám bệnh		
	Tiền ngày giường bệnh		
	Chẩn đoán hình ảnh		
	Xét nghiệm		
	Phẫu thuật, thủ thuật, thăm dò chức năng		
	Thuốc, vật tư y tế, máu và CPM, dịch truyền		
	Các khoản thu khác		
III	Các khoản thu khác (Chi tiết từng khoản thu của đơn vị)	0	0
1	Thu hoạt động nhà thuốc (tổng thu)		
2	Thu Bách hóa, căng tin, bãi giữ xe		
3		
B	TỔNG SỐ CHI	0	0
1	Chi tiền lương, tiền công, phụ cấp, các khoản đóng góp cho công chức, viên chức và người lao động (không tính số chi thu nhập tăng thêm)		
2	Chi thuốc, máu, vật tư, hóa chất		
	<i>Trong đó chi thuốc máu, vật tư tiêu hao của nhà thuốc</i>		
3	Chi hành chính, điện, nước, nhiên liệu, văn phòng phẩm và các khoản chi khác		

STT	NỘI DUNG	Năm 2017	Năm 2018
4	Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ (không tính số chi từ Quỹ PTSN)		
C	CHÊNH LỆCH THU-CHI (=A-B)	0	0
1	Chi Thu nhập tăng thêm <i>hệ số chi Thu nhập tăng thêm so với lương ngạch bậc</i>		
2	Trích lập Quỹ PTHĐSN		
3	Trích lập Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi		
4	Trích lập Quỹ ổn định thu nhập		
5	Trích lập Quỹ khác (nếu có)		

Ghi chú: Số liệu Biểu này chỉ lấy riêng thu - chi của hoạt động thường xuyên của Trạm y tế xã, không tính các chương trình mục tiêu - dân số.

Người lập biểu
(Ký ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký đóng dấu)

TỔNG HỢP SỐ LIỆU CHI QUẢN LÝ TẠI ĐƠN VỊ

Đơn vị: 1.000 đồng

Chỉ tiêu		Số chi cho bộ phận quản lý	Số chi trong năm 2018	Phương pháp lấy số liệu (trên cơ sở quyết toán 2018)
1.	Thanh toán dịch vụ công cộng			
	Thanh toán tiền điện			Chỉ tính cho khu vực quản lý
	Thanh toán tiền nước			Chỉ tính cho khu vực quản lý
	Thanh toán tiền nhiên liệu			Chỉ tính cho khu vực quản lý
	Thanh toán tiền vệ sinh, môi trường			Chỉ tính phần chi vệ sinh KV quản lý, các chi phí về cảnh quan, môi trường chung vì khu KB, nội trú, phòng mổ đã kết cấu vào giá
	Thanh toán khoán phương tiện theo chế độ			Tính cho khu vực quản lý nếu có
	Khác			Tính cho khu vực quản lý nếu có
2.	Vật tư Văn phòng			
	Văn phòng phẩm			Chỉ tính VPP phục vụ công tác quản lý (VPP để phục vụ KB, ngày giường đã kết cấu vào giá dịch vụ)
	Mua sắm công cụ, dụng cụ			
	Khoán văn phòng phẩm			
	Vật tư văn phòng khác			
3.	Thông tin Liên lạc			
	Cước phí điện thoại trong			Có thể lấy toàn bộ nội dung chi này của đơn vị
	Cước phí điện thoại quốc tế			
	Cước phí bưu chính			
	Thuê bao đường điện thoại			
	Thuê bao cáp truyền hình			
	Cước phí internet, thư viện điện tử			
	Khoán điện thoại			
	Khác			
4.	Hội nghị			Chỉ tính các hội nghị phục vụ hoạt động chuyên môn của bệnh viện, lưu ý không tính hội nghị, tập huấn về chỉ đạo tuyến, 1816, Chương trình mục tiêu y tế dân
5.	Công tác phí			Chỉ tính CTP phục vụ hoạt động của bệnh viện lưu ý không tính các CTP về chỉ đạo tuyến, 1816, Chương trình mục tiêu y tế dân
6.	Chi phí thuê mướn			
	Thuê phương tiện vận chuyển			Có thể lấy toàn bộ nội dung chi này của đơn vị. Tuy nhiên rà soát nếu hạch toán thuê chuyên gia để KCB, chi phí của các hợp đồng chuyên môn vào mục này thì phải loại trừ. Trường hợp thuê lao động để làm
	Thuê nhà			
	Thuê đất			
	Thiết bị các loại			
	Thuê chuyên gia và giảng viên nước ngoài			
	Thuê chuyên gia và giảng viên trong nước			

Chỉ tiêu		Số chi cho bộ phận quản lý	Số chi trong năm 2018	Phương pháp lấy số liệu (trên cơ sở quyết toán 2018)
	Thuê lao động trong nước			vệ sinh, môi trường, cây cảnh thì tính chi phí này là chi phí vệ sinh môi trường.
	Thuê đào tạo lại cán bộ			
	Thuê phiên dịch, biên dịch			
	Chi phí thuê mướn khác			
7.	Chi đoàn ra, đoàn vào			có thể lấy toàn bộ chi phí mục này
8.	Sửa chữa TX TSCĐ, Cơ sở hạ tầng			Có thể lấy toàn bộ mục này, loại trừ phần chi phí bảo dưỡng các TTB chuyên dùng. Hoặc rà soát lấy chi phí bảo dưỡng, sửa chữa các tài sản dùng chung như sân, vườn, bộ phận
9.	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn			Rà soát và chỉ lấy các nội dung chi phục vụ quản lý như chi phí thực hiện đề tài NCKH từ nguồn hỗ trợ TX của BV, chi đồng phục, trang phục của bộ phận quản lý...
10.	Chi công tác xã hội			Toàn bộ nội dung chi mục này
11.	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở			Có thể lấy toàn bộ nội dung chi mục này.
12.	Một số khoản chi theo quy định, đề nghị đơn vị tính toán			
	Chi mua bảo hiểm trách nhiệm			Cung cấp số đã thực hiện. Trường hợp chưa thực hiện thì tính theo Nghị định 102/2011/NĐ-CP và Thông tư 210/TT-BTC ngày 30/12/2015 để đề xuất.
	Chi Công nghệ thông tin			Xây dựng theo hướng dẫn của Cục CNTT
13.	Các khoản chi khác			Đơn vị rà soát còn nội dung chi nào cho công tác quản lý thì bổ sung
	Tổng (=1+2+...13)			

Người lập biểu
(Ký ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký đóng dấu)

KHẢO SÁT GIÁ MỘT SỐ VẬT TƯ

Đơn vị: đồng

STT	Danh mục	Đơn vị	Giá trúng thầu gần nhất
1	Găng tay khám cổ dài	đôi	
2	Găng tay khám cổ ngắn	đôi	
3	Găng mô	đôi	
4	Bơm kim tiêm dùng 1 lần dưới 5 ml	chiếc	
5	Bơm kim tiêm dùng 1 lần dưới 20 ml	chiếc	
6	Bơm kim tiêm dùng 1 lần trên 50 ml	chiếc	
7	Mũ giấy	Chiếc	
8	Khẩu trang	Chiếc	
9	Găng hộ lý	Đôi	
10	Quần áo bệnh nhân	Bộ	
11	Áo người nhà bệnh nhân	chiếc	
12	Quần áo bác sỹ, y tá	Bộ	
13	Ga trải giường	chiếc	
14	Chăn	chiếc	
15	Gối và vỏ gối	chiếc	
16	Đệm giường bệnh	chiếc	
17	Chi phí về giặt, là, hấp, sấy, tiệt trùng quần áo, đồ vải	Kg	
18	Cồn rửa tay nhanh	ml	
19	Xà phòng rửa tay (dung dịch rửa tay)	ml	
20	Xử lý rác thải y tế	kg	
21	Xử lý rác thải sinh hoạt	kg	
22	Xử lý nước thải bệnh viện	m ³	
23	Chi phí hấp sấy, tiệt trùng dụng cụ mô	Bộ	
24	Giá điện (bao gồm cả VAT, ...)	KW	
25	Giá nước (bao gồm cả VAT, ...)	m ³	
26	Điều hòa nhiệt độ	cái	
27	Đèn tuýp	cái	
28	Điện cực	cái	
29	Ghế ngôi (ghi rõ loại ghế)	cái	
30	Giường bệnh nhân có tay quay	cái	
31	Giường bệnh nhân I nóc	cái	
32	Thuốc Xenetix 100ml	ống	
33	Thuốc Xenetix 50ml	ống	
34	Film chụp răng	film	
35	Film chụp 35x43	film	
36	Film 10x12	film	

Ghi chú: 1. Các vật tư này khảo sát để phục vụ tính chi phí khám bệnh, ngày giường, các dịch vụ về Chẩn đoán hình ảnh. Các đơn vị có thể bổ sung các vật tư tiêu hao khác.

2. Trường hợp có loại vật tư có nhiều chủng loại và giá khác nhau thì mở thêm dòng và nêu một số thông tin chính về loại vật tư đó.

Người lập biểu
(Ký ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký đóng dấu)

PHIẾU KHẢO SÁT KHOA KHÁM BỆNH

STT	Chỉ tiêu	Quý 4/2018	Quý 1/2019	Ghi chú
1	2	3	4	5
I	Thông tin về chỉ tiêu khám bệnh không tính khu vực KB theo yêu cầu			Thời gian làm việc thực tế hàng ngày của khoa khám bệnh
1	Số bàn khám bình quân/ngày			
2	Tổng số lượt khám bệnh			
2.1	Số lượt khám, điều trị ngoại trú			
2.2	Số lượt khám có chỉ định điều trị nội trú (trường hợp khám và phải làm thủ tục nhập viện)			
3	Nhân lực tham gia			
3.1	Tổng số Bác sỹ tham gia khám bệnh bình quân hàng ngày trong tháng			
3.2	Tổng số Điều dưỡng/cán bộ y tế khác tham gia hỗ trợ trực tiếp cho bác sỹ để khám bệnh (tính Bình quân trong tháng)			
3.3	Nhân lực hỗ trợ tại khoa khám bệnh (Đón tiếp, hướng dẫn, thanh toán...)			
II	Thông tin khám bệnh tại khu khám bệnh theo yêu cầu			
1	Số bàn khám bình quân/ngày			
2	Tổng số lượt khám			

1. Mẫu này để khảo sát nhân lực và thời gian bình quân cho một lượt khám bệnh. Vì vậy đề nghị không tính số cán bộ làm cận lâm sàng tại khoa/ phòng khám (ví dụ xét nghiệm, CĐHA...)

2. Trường hợp đơn vị có tổ chức khám ngoài giờ hành chính thì ghi rõ số giờ khám ngoài giờ trung bình hàng ngày đơn vị đăng ký với cơ quan BHYT theo quy định tại Thông tư 16/TT-BYT (ví dụ cơ sở KCB có đăng ký Khám bệnh ngoài giờ hành chính để giảm tải bệnh nhân từ 6h sáng thì ghi rõ số giờ làm thêm tại cột ghi chú về số giờ làm thêm hàng ngày so với số giờ làm hành chính là 8h.

3. Trường hợp khám ngày thứ 7, chủ nhật, ngày lễ cũng ghi rõ tại cột ghi chú. Ghi cụ thể ngày tham gia và thời gian tham gia KB (ví dụ cơ sở KCB triển khai khám bệnh vào các buổi sáng thứ 7 và chủ nhật từ 8 g sáng đến 12 g trưa)

Người lập biểu
(Ký ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký đóng dấu)

KHẢO SÁT CHI PHÍ MUA SẴM THAY THỂ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ KHÁM BỆNH

STT	Công cụ, dụng cụ khám bệnh thay thế từng phần tối đa 5 năm	Bệnh việngiường			
		Số chỗ khám	Số lượng	Đơn giá (1.000 đồng)	Tỷ lệ thay thế hàng năm
1	Khám nội Danh sách các TTB, công cụ, dụng cụ phục vụ khám nội, ví dụ: Ống nghe người lớn Ống nghe trẻ em Huyết áp kế người lớn Huyết áp kế trẻ em Nhiệt kế Đèn khám bệnh Đèn đọc X quang Búa thử phản xạ				
2	Khám ngoại Chi tiết các loại công cụ dụng cụ như trên				
3	Khám sản/ khám phụ khoa Chi tiết các loại công cụ dụng cụ như trên				
4	Khám Răng Hàm Mặt Chi tiết các loại công cụ dụng cụ như trên <i>ví dụ có thêm Bộ khám Răng và các dụng cụ phục vụ khám răng hàm mặt</i>				
5	Khám Tai Mũi Họng Chi tiết các loại công cụ dụng cụ như trên <i>Ví dụ có thêm Bộ khám tai mũi họng và các dụng cụ khám khác</i>				
6	Khám Mắt Chi tiết các loại công cụ dụng cụ như trên Ví dụ có thêm <i>Bộ kính thử thị lực Đèn soi đáy mắt Đèn soi bóng đồng tử Ghế khám mắt Kính Volk 90D</i>				
7	Khám...				

STT	Công cụ, dụng cụ khám bệnh thay thế từng phần tối đa 5 năm	Bệnh việngiường			
		Số chỗ khám	Số lượng	Đơn giá (1.000 đồng)	Tỷ lệ thay thế hàng năm
	Chi tiết các loại công cụ dụng cụ như trên				
12	Các công cụ, dụng cụ sử dụng chung cho khoa khám bệnh				
	Ví dụ				
	<i>Hệ thống tivi chiếu các chương trình tuyên truyền</i>				
	<i>Hệ thống phần mềm viện phí và mạng khu phòng khám</i>				
	<i>Bộ dụng cụ tiểu phẫu</i>				
	<i>Hệ thống lấy số khu đăng ký khám bệnh</i>				
	<i>Ghế chờ (băng 4 chiếc)</i>				
	<i>Quạt công nghiệp khu phòng chờ</i>				
	<i>Hệ thống âm ly, loa mic</i>				
	<i>Hệ thống Camera quan sát</i>				
	<i>Tủ lạnh</i>				
	<i>Nồi luộc dụng cụ</i>				
	<i>Đèn cực tím diệt trùng</i>				
	<i>Xe đẩy bệnh nhân</i>				
	<i>Cáng đẩy, cáng tay</i>				
	<i>Các loại công cụ, dụng cụ khác...</i>				
	Bình quân 1 buồng khám 01 tháng				

Lưu ý: Đề nghị Bệnh viện cung cấp số liệu thực tế tại đơn vị theo biểu mẫu trên

Người lập biểu
(Ký ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký đóng dấu)

PHIẾU KHẢO SÁT MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỦA ĐƠN VỊ

I. Một số Thông tin chung về Bệnh viện

1. Hạng Bệnh viện: Bệnh viện được phân hạng nào thì đánh dấu (x) vào ô đó

- | | |
|---|--|
| + Hạng Đặc biệt: <input type="checkbox"/> | + Hạng III: <input type="checkbox"/> |
| + Hạng I: <input type="checkbox"/> | + Hạng IV: <input type="checkbox"/> |
| + Hạng II: <input type="checkbox"/> | + Chưa phân hạng: <input type="checkbox"/> |

2. Phân loại tự chủ của đơn vị : đơn vị được cấp có thẩm quyền phân loại đơn vị tự chủ là loại nào thì đánh dấu (x) vào ô đó.

- Đơn vị do NSNN bảo đảm chi hoạt động thường xuyên và đầu tư
- Đơn vị do NSNN bảo đảm hoạt động thường xuyên
- Đơn vị bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên
- Đơn vị tự bảo đảm chi hoạt động thường xuyên

II. Thông tin về giường bệnh và chỉ tiêu cán bộ:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	6 tháng đầu năm 2019	Ghi chú
1	2	3	4	5
I	Chỉ tiêu về cán bộ			
1	Tổng số cán bộ/ viên chức/ người lao động theo chỉ tiêu biên chế được giao (hoặc vị trí việc làm được phê duyệt)			
2	Số cán bộ, người lao động thực tế tại đơn vị (bao gồm cả hợp đồng chuyên môn và hợp đồng lao động theo ND 68 và người lao động không hưởng lương)			
	Trong đó: tổng số bác sỹ			
	Kỹ thuật viên/Điều dưỡng			
	Khác			
3	Số lượng đối tượng làm việc không lương tại đơn vị			
II	Chỉ tiêu giường bệnh (phục vụ đối tượng BHYT, không BHYT)			
1	Giường kế hoạch được giao			

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	6 tháng đầu năm 2019	Ghi chú
1	2	3	4	5
2	Giường thực kê (không tính giường yêu cầu)			
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú (không tính đối tượng theo yêu cầu)			
4	Tổng số ngày giường điều trị nội trú (không tính giường theo yêu cầu)			
5	trị nội trú chia (:) cho 365 ngày tính cho năm 2018 hoặc 182,5 ngày tính cho 6 tháng năm 2019)			
6	Công suất sử dụng giường bệnh (tính theo giường thực kê)			
III	Giường theo yêu cầu			
1	Số giường theo yêu cầu			
2	Công suất sử dụng giường yêu cầu			

Giường theo yêu cầu: bao gồm giường bệnh theo yêu cầu tại khoa Điều trị theo yêu cầu và các khoa điều trị khác

Người lập biểu
(Ký ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký đóng dấu)

STT	Tên khoa, phòng	Số giường bệnh kế hoạch	Số giường bệnh thực kê	Tổng số nhân lực tháng 7/2019	Trong đó			Quý tiền lương, phụ cấp của tháng 7/2019	Trong đó					
					Bác sỹ	Điều dưỡng, KTV y, Hộ sinh	Khác		Tiền lương theo ngạch bậc theo mức lương cơ sở 1490.000 đồng/tháng	Các khoản phụ cấp theo lương (chức vụ, vượt	Phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56	Phụ cấp độc hại bằng hiện vật	Phụ cấp trực, PT, TT theo Quyết định 73/QĐ-BYT	Các khoản đóng góp theo chế độ BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN
A	B	1	2	3=4+5+6	4	5	6	7=8+9+10+..13	8	9	10	11	12	13
12	Ban Lãnh đạo													
13	Khoa Chống nhiễm khuẩn													
14	Khoa Dược													
15	Khoa Dinh dưỡng													
16	Phòng Kế hoạch tổng hợp													
17	Phòng Điều dưỡng													
18	Phòng Vật tư trang thiết bị y tế													
19	Phòng Hành chính quản trị													
20	Phòng Tổ chức cán bộ													
21	Phòng Tài chính kế toán													
22	Phòng công tác xã hội													
													
	Tổng cộng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Hệ số lương bác sỹ bình quân													
	Hệ số lương các đối tượng còn lại bình quân													

Ghi chú:

1. Trường hợp cơ cấu tổ chức các khoa, phòng của bệnh viện có khoa, phòng khác với các khoa phòng nêu trên đề nghị bổ sung vào danh mục và báo cáo đầy đủ số giường bệnh, nhân lực hiện có theo đúng cơ cấu tổ chức của bệnh viện.

2. Trường hợp Đơn vị có các cán bộ, viên chức không hưởng lương tại đơn vị nhưng tham gia vào hoạt động khám chữa bệnh của bệnh viện thì tính toán cả số lượng và tiền lương phải chi trả vào biểu này theo tỷ lệ thời gian tham gia.

3. Cung cấp hệ số lương bình quân của bác sỹ:....

Người lập biểu
(Ký ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký đóng dấu)

Tên Bệnh viện/trung tâm y tế:

KHẢO SÁT MỘT SỐ DỊCH VỤ VỀ CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

STT	TÊN THIẾT BỊ (Model, chủng loại, năm đưa vào sử dụng)	Năm 2018				
		Số lượng máy	Nguyên giá	Chi phí kiểm định, kiểm chuẩn trong năm	Số tiền chi cho bảo trì, bảo dưỡng trong năm (không tính thay bóng/ đồ khí heli... vì đã khảo sát tại	Số ca thực hiện trong năm
A	B	1	2	3	4	5
1	Chụp XQuang thường					
	- Loại....					
	- Loại....					
2	Chụp XQuang KTS					
	- Loại....					
	- Loại....					
3	Máy chụp CT Scan					
	- Máy lát cắt					
	- Máy lát cắt					
	- Máy lát cắt					
4	Chụp MRI					
	- Máy Tesla					
	- Máy Tesla					
5	Chụp PET CT					
6	Máy Siêu âm đen trắng					
	-.....					
7	Máy Siêu âm màu					
	-.....					
8	Máy nội soi					
9	Máy điện tim					

Ghi chú: 1. Cột 4 chỉ tính các chi phí duy tu, bảo dưỡng không tính chi phí về thay thế các vật thay bóng, thay tấm cảm biến, dây nội soi hoặc chi phí đồ khí heli đã khảo sát ở Biểu 6b.....

2. Trường hợp các TTB có một số nội dung chi phí đặc thù như phải thay các bản; khô từ...: đề nghị đơn vị ghi chú đầy đủ các thông tin về chi phí, thời gian phải thay.

Người lập biểu
(Ký ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký đóng dấu)

Tên Bệnh viện/trung tâm y tế:

Biểu 6b

CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ THAY THỂ BÓNG, TẮM PHÁT TIA, ĐỔ KHÍ HELI... CỦA CÁC THIẾT BỊ CHUẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

STT	TÊN THIẾT BỊ (theo từng thiết bị hiện có, gồm Model)	Tháng/năm đưa máy vào sử dụng	Tháng/năm thay thế (bóng/tấm phát tia/đổ khí...)	Chi phí thay thế (bóng/tấm phát tia/đổ khí...)	Thời gian sử dụng thực tế	Số ca đã thực hiện của bóng/tấm phát tia/ 1 lần đổ khí Heli...	Chi phí bình quân/ca	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7
I	Máy X-Quang thường							
1	Máy 1.....							
	Thay bóng lần 1							
	Thay bóng lần 2							
							
2	Máy 2....							
	Thay bóng lần 1							
	Thay bóng lần 2							
	...							
II	Máy X-Quang kỹ thuật số							
1	Máy 1.....							
	Thay bóng lần 1							
	Thay bóng lần 2							
							
	Thay tấm phát tia lần 1							
	Thay tấm phát tia lần 1							
							
2	Máy 2....							
	Thay bóng lần 1							
	Thay bóng lần 2							
	...							
	Thay tấm phát tia lần 1							
	Thay tấm phát tia lần 1							

STT	TÊN THIẾT BỊ (theo từng thiết bị hiện có, gồm Model)	Tháng/năm đưa máy vào sử dụng	Tháng/năm thay thế (bóng/tấm phát tia/đổ khí...)	Chi phí thay thế (bóng/tấm phát tia/đổ khí...)	Thời gian sử dụng thực tế	Số ca đã thực hiện của bóng/tấm phát tia/ 1 lần đổ khí Heli...	Chi phí bình quân/ca	Ghi chú
							
III	Máy chụp CT Scanner (chi tiết theo từng máy, số lát cắt,)							
	Thay bóng lần 1							
	Thay bóng lần 2							
	...							
IV	Hệ thống MRI (chi tiết theo từng máy...)							
1	Đổ khí Heli							
	Đổ lần 1							
	Đổ lần 2							
							
2	Hệ thống Chiller							
	Thay thế lần 1							
	Thay thế lần 2							
	...							
3	Hệ thống Coolhead							
	Thay thế lần 1							
	Thay thế lần 2							
	...							
4	Hệ thống Coil thu hình							
	Thay thế lần 1							
	Thay thế lần 2							
	...							
V	Máy Siêu âm (chi tiết theo từng máy hiện có)							
	Thay thế đầu dò lần 1							
	Thay thế đầu dò lần 2							
	...							
VI	Các loại máy nội soi (chi tiết từng máy...)							